

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2024

V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Khang là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang. Điểm cầu thành phần tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 203/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 06/5/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng K, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Hồng K trình bày: Vào năm 1997 sau một thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên chị và anh Nguyễn Văn K1 xác lập quan hệ hôn nhân, sau đó vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C vào ngày 10/6/1997. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống chung rất hạnh phúc

nhưng một thời gian sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và cả hai bỏ mặc nhau mạnh ai nấy sống. Vợ chồng đã không sống chung với nhau từ tháng 12/2021 cho đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân thì cũng không ai tạo điều kiện để hàn gắn lại với nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng K yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn K1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ N, sinh ngày 04/7/1998 và Nguyễn Thị Mỹ K2, sinh ngày 23/9/2003 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn K1 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị K về thời gian xác lập quan hệ hôn nhân và về con chung và mâu thuẫn trong hôn nhân. Nay chị K yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ N, sinh ngày 04/7/1998 và Nguyễn Thị Mỹ K2, sinh ngày 23/9/2003 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Anh K1 không tranh chấp, không khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K1. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ N, sinh ngày 04/7/1998 và Nguyễn Thị Mỹ K2, sinh ngày 23/9/2003 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn K1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Chị K và anh K1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân, từ khi ly thân thì cả hai bỏ mặc, không quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Anh K1 trình bày không đồng ý ly hôn với chị K nhưng từ khi Tòa án thụ lý và tiến hành mở phiên hòa

giải đoàn tụ nhưng anh K1 vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay anh K1 tiếp tục vắng mặt từ đó cho thấy anh không có thiện chí để hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh K1. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ N, sinh ngày 04/7/1998 và Nguyễn Thị Mỹ K2, sinh ngày 23/9/2003 hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị K không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị K làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh K1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn K1 là bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, anh Nguyễn Văn K1 vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn K1.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng K và anh Nguyễn Văn K1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/1997 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị K cho rằng quá trình chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến ai, do đó mâu thuẫn giữa chị và anh K1 đã trầm trọng nên không thể hàn gắn được. Anh K1 cho rằng trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng đôi lúc cũng có cự cãi với nhau, anh không đồng ý ly hôn với chị K. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, chăm sóc gia đình nhưng trên thực tế chị K và anh K1 đều thừa nhận có mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay và anh K1 cũng không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Trong khi chị K xác định không còn tình cảm với anh K1 và cương quyết xin ly hôn, từ đó thấy rằng hôn nhân giữa chị K và anh K1 đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K.

- Về con chung: Các con đều đã thành niên, chị K và anh K1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị K và anh K1 không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Hồng K phải nộp án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[6]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147, 227; 228; 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng K.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng K được ly hôn với anh Nguyễn Văn K1.

- Về con chung: Các con đều đã thành niên, chị K và anh K1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Chị K và anh K1 không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001158, ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị Lê Thị Hồng K đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND thị trấn M,
huyện C;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh